

Trịnh - Nguyễn phân tranh

Nhà Lê nhờ có họ Trịnh giúp nên dứt được nhà Mạc, tướng giang sơn thống nhất như cũ, ai ngờ họ Trịnh và họ Nguyễn lại sinh lòng ghen ghét, gây nên mối oán thù, rồi mỗi họ hùng cứ một phương, chia nước ta làm hai mảng: họ Nguyễn giữ xứ Nam, họ Trịnh giữ xứ Bắc. Từ đó giang sơn chia rẽ, Nam Bắc phân tranh.

Nam triều - Bắc triều (1533-1593) Các đời chúa Trịnh (1545-1787)
Trịnh - Nguyễn phân tranh Các đời chúa Nguyễn (1600-1802)

Nhà Hậu Lê từ khi Trung Hưng lên, con cháu vẫn giữ ngôi vua, nhưng quyền chính trị nằm cả trong tay họ Trịnh. Còn ở phía nam, từ sông Linh Giang trở vào là cơ nghiệp của họ Nguyễn. Tuy vậy, hai họ chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua, và bề ngoài vẫn tôn phù nhà Lê.

♦ Lê Kính Tông (1600-1619):

Niên hiệu:

- Thuận Đức (1600);
- Hoằng Định (1601-1619).

Vua Kính Tông huý là Duy Tân, là con thứ của Thế Tông. Khi vua Thế Tông băng hà, Bình An Vương Trịnh Tùng cùng với triều thần cho rằng thái tử (anh của Duy Tân) không thông minh, bèn lập con thứ là Duy Tân, khi đó mới 11 tuổi. Duy Tân được triều thần đưa lên ngôi ngày 27 tháng 8 năm Kỷ Hợi (1599), đại xá, đổi niên hiệu là Thuận Đức, lấy năm Canh Tý (1600) làm năm Thuận Đức thứ nhất.

Từ năm này, bước sang thế kỷ 17, tình hình chính trị trong nước chuyển biến theo một cục diện mới. Ở ngoài Bắc, về cơ bản họ Trịnh với tài năng quân sự và thái độ cứng rắn của Trịnh Tùng đã cơ bản dẹp tan được chính quyền nhà Mạc ở kinh đô và đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng các dư đảng nhà Mạc thì vẫn nổi lên khắp các tỉnh trung du và miền núi Việt Bắc. Nhà Lê Trịnh vẫn phải nhiều lần phái những đội quân lớn do Thái phó Thanh quận công Trịnh Kháng và các thuộc tướng Nguyễn Văn Giai, Nguyễn Cảnh Kiên, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Hắc, Nguyễn Duy Thì... đem quân đánh Mạc. Cũng vào thời này vấn đề tranh giành quyền lực và xung đột giữa họ Trịnh ở Đàng ngoài và họ Nguyễn ở Đàng trong bắt đầu đặt ra với việc Nguyễn Hoàng tự ý bỏ vào Thuận Quảng. Nhân cơ hội ấy dư đảng của nhà Mạc lại nổi lên. Trong tình hình đó, Vua Lê Kính Tông cùng với Trịnh Xuân (con thứ của Trịnh Tùng) mưu giết Trịnh Tùng nhưng không thành. Trịnh Xuân bị giam vào nội phủ, còn vua Kính Tông bị bức thất cổ chết ngày 12 tháng 5 năm Kỷ Mùi.

♦ Lê Thần Tông (1619-1643):

Niên hiệu:

- Vĩnh Tộ (1620-1628);
- Đức Long (1629-1634);
- Dương Hoà (1635-1643).

Vua Thần Tông huý là Duy Kỳ, con trưởng của Kính Tông. Mẹ là Đóa từ Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trinh, con gái thứ của thượng phụ Bình An vương Trịnh Tùng, sinh Duy Kỳ vào ngày 19 tháng 11 năm Đinh Mùi (1607). “Như vậy, Duy Kỳ là cháu ngoại của Bình An vương Trịnh Tùng. Khi vua Kính Tông bị bức thất cổ chết, Bình An vương tôn lập cháu ngoại của mình là Duy Kỳ lên làm vua, khi đó mới 12 tuổi” Duy Kỳ có tướng mạo đế vương: thông minh, học rộng, mưu lược sâu sắc, giỏi văn chương. Đây cũng là một ông vua có quan hệ thật đặc biệt với nhà chúa, cùng với nhà chúa một nhà vui thuận êm ấm.

Tháng 7 năm Quý Hợi (1623) nhân dịp Bình An vương Trịnh Tùng mất, Trịnh Xuân lại một lần

nữa đem quân nổi lên định tranh ngôi chúa, vương thế tử Trịnh Tráng cùng vua đem quân về Thanh Hoá lo dẹp loạn.

Năm Canh Ngọ (1630) vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc lập làm Hoàng hậu. Việc lấy Ngọc Trúc đã để lại tiếng xấu cho vua sau này. Chẳng là trước đó Ngọc Trúc đã lấy chú họ của vua là Cường quận công Lê Trụ, đã sinh ra được 4 người con, rồi Lê Trụ bị lỗi phải giam trong ngục, Vương lại đem Ngọc Trúc dâng vua, vua lấy vào cung. Triều thần như Trịnh Nguyên Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần can vua, vua không nghe.

Tháng 1 năm Quý Mùi (1643) vua nhường ngôi cho con là Lê Duy Hiệu sau 25 năm làm vua, tự lên làm Thái thượng hoàng, còn Hoàng hậu họ Trịnh lên làm Hoàng thái hậu.

◆ Lê Chân Tông (1643-1649):

Niên hiệu:

- Phúc Thái;
- Khánh Đức (1649-1652);
- Thịnh Đức (1653-1657);
- Vĩnh Thọ (1658-1661);
- Vạn Khánh (1662)

Duy Hiệu được vua cha nhường ngôi từ lúc lên 13 tuổi, lấy hiệu là Chân Tông. Trong thời gian Chân Tông ở ngôi, có một việc đáng chú ý là vào năm 1646, vua Minh cho sứ thần sang phong cho Thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương. Triều Lê Trung Hưng kể từ Lê Trang Tông đến đây mới được nhà Minh phong tước vương, trước đó chỉ phong An Nam đô thống sứ.

Năm Kỷ Mão (1649), ở ngôi được 7 năm, Duy Hiệu chết không có con nối, Thái thượng hoàng lại cầm chính, tiếp tục triều Lê Thần Tông.

Năm Nhâm Dần (1662), vua Thần Tông bị bạo bệnh, xuống chiếu đổi niên hiệu làm Vạn Khánh năm thứ nhất. Cũng nhân dịp này vua cho thay đổi ngôi Thái tử. Chẳng là trước đó vì chưa có con nối, vua phải lấy Duy Tào (con riêng của Hoàng hậu Trịnh Thị) làm Hoàng thái tử. Nhưng sau đó Thần Tông có con đặt tên là Vũ. Năm (1662), Nhâm Dần con đích là Duy Vũ đã lên 9 tuổi vua cho lập Duy Vũ làm Hoàng thái tử, phế Duy Tào làm thứ nhân, theo về họ mẹ.

Ngày 22 tháng 9 năm đó, vua băng hà. Như vậy vua Thần Tông nhà Lê là ông vua thứ hai sau Lê Thánh Tông có số năm trị vì dài tới 38 năm. Ông vua này trải 3 đời vương bên phủ chúa Trịnh: từ Bình An Vương Trịnh Tùng tới Thanh Vương (Trịnh Tráng) rồi đến Tây Vương Trịnh Tạc. Đời bấy giờ cho vua Thần Tông là bậc vua giỏi, nhưng có chệch ở hai điểm: chốn cung vì không có để độ và mê hoặc phật giáo.

◆ Lê Huyền Tông (1663-1671):

Niên hiệu: Cảnh Trị.

Huyền Tông tên là Duy Vũ, con Thần Tông, em của Chân Tông, khi Thần Tông mất Vũ mới lên 9 tuổi, Tây vương Trịnh Tạc theo di mệnh lập nên. Duy Vũ là con do Phạm Thị Ngọc Hậu, người làng Quả Nhuệ, huyện Lô Dương (Thọ Xuân, Thanh Hoá) sinh ra.

Năm Ất Tỵ (1665), mặc dù mới 11 tuổi, nhà vua cũng sách lập chính cung Trịnh Thị Ngọc Áng làm hoàng hậu. Trịnh Thị Ngọc Áng là con thứ của Tây vương Trịnh Tạc. Khi vua lên ngôi đón vào trong cung, lấy làm Hoàng hậu.

Bấy giờ ở bên Trung Quốc, nhà Minh đã mất, nhà Thanh lên, tháng 3 năm Đinh Mùi (1667) nhà Thanh sai sứ sang phong cho vua làm An Nam quốc vương. Vua Lê sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tồn Trạch sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm và tạ ơn việc tặng bạc lụa. Đây là lần đầu tiên nước ta có quan hệ ngoại giao với triều Thanh.

Ở ngôi được 9 năm, ngày 15 tháng 10 năm Tân Hợi (1671) vua băng hà, lúc này mới có 18 tuổi, không có con nối.

♦ Lê Gia Tông (1672-1675):

Niên hiệu:

- Dương Đức (1672-1673);
- Đức Nguyên (1674-1675).

Vua huý là Duy Cối, con thứ của Thần Tông. Trước đây, khi Thần Tông băng, Hoàng thái tử Duy Cối (có sách chép là Duy Khoái) mới lên 2 tuổi, vương Trịnh Tạc và vương thị là Trịnh Thị Ngọc Lung đón về nuôi ở trong vương phủ, dạy bảo, hun đúc, giúp nên đức tính. Khi Huyền Tông băng hà, không có con nối ngôi, Trịnh Tạc bèn xuống chỉ cho Tiết chế phủ và các đại thần văn võ trăm quan lập Hoàng đệ Lê Duy Cối lên ngôi vua, khi đó ông mới 11 tuổi. Vua làm lễ đăng quang vào ngày 19 tháng 11 năm Tân Hợi (1671) lấy niên hiệu Dương Đức, tôn chính phi của vương là Trịnh Thị Ngọc Lung làm Quốc thái mẫu.

Năm Giáp Dần (1674) vua tôn phong thân mẫu là Lê Thị Ngọc Hoàn (quê ở xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên, Thanh Hoá) làm Chiêu Nghi.

Nhà vua diện mạo khôi ngô, thân thể vạm vỡ, tính khoan hoà, có độ lượng của một ông vua. Vua ở được 4 năm, mất lúc 15 tuổi, không có con nối.

♦ Lê Hy Tông (1676-1705):

Niên hiệu:

- Vĩnh Trị (1678-1680);
- Chính Hoà (1681-1705).

Lê Hy Tông có tên là Duy Cáp (có sách chép là Duy Hợp), là con thứ của Thần Tông và là em của Gia Tông. Khi Thần Tông qua đời, ông còn nằm trong bụng mẹ mới được 4 tháng. Thần Tông dặn dò Tây vương Trịnh Tạc bảo hộ, sau này cho Duy Cáp nối ngôi. Lúc Gia Tông chết Duy Cáp lên 13 tuổi, được Tây vương phò lên ngôi vua. Lấy ngày sinh làm "Thiên minh thánh tiết". Nhà vua tuân giữ cơ nghiệp có sẵn, rũ tay áo mà hưởng cuộc thịnh trị. Kỷ cương thì chấn hưng, thường phạt thì nghiêm túc và công minh, phần nhiều các công khanh đều xứng đáng với chức vụ, trăm quan kính giữ phép tắc chế độ, nhân dân yên nghiệp làm ăn. Đó là các năm dưới niên hiệu Vĩnh Trị (1676-1680) và Chính Hoà (1681-1704). Người đời bấy giờ ca ngợi là bậc nhất thời Trung Hưng. Tháng 4 năm Ất Dậu (1705), sau khi ở ngôi 30 năm, vua ban chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử Lê Duy Đường rời sang ở cung khác. Nhường ngôi rồi vua còn vui sống nhân 12 năm nữa mới mất, thọ 54 tuổi.

♦ Lê Dụ Tông (1705-1728):

Niên hiệu:

- Vĩnh Thịnh (1706-1719);
- Bảo Thái (1720-1729).

Vua huý là Duy Đường, con trưởng Lê Hy Tông, được nhường ngôi năm Ất Dậu (1705). Sau khi lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Thịnh.

Bấy giờ thừa hưởng cơ nghiệp thái bình, không xảy ra binh đao vì chiến tranh Trịnh - Nguyễn tạm dừng. Trong nước vô sự, triều đình có làm được nhiều việc. Pháp độ được đầy đủ, kỷ cương thì hành được hết. Xứ xa lạ thì dâng lễ vật tỏ lòng thành, Trung Quốc thì trả lại đất. Nhà vua giữ tay áo, ngồi ở trên, không phải khó nhọc mà mọi việc đâu ra đấy. Khi nói đến cuộc thịnh trị lúc bấy giờ người phải kể đến công lao giúp chính của chúa Trịnh Cương. Trịnh Cương cùng với các bồi tụng và tham tụng: Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Công Cơ đều là người

giúp việc rất đặc lực và liêm khiết, họ chủ trương cải cách trên nhiều lĩnh vực kinh tế-tài chính, thi cử, tổ chức hành chính, và quan lại... Nhưng các cải cách đó chưa thu được kết quả thì Trịnh Cương qua đời. Ngày 20 tháng 4 năm Kỷ Dậu (1729) nhà vua nhường ngôi cho Thái tử Duy Phương rời ra ở cung Kiền Thọ, xưng là Thuận Thiên thừa vận Hoàng thượng, khi đó vua 49 tuổi. Như vậy vua Lê Dụ Tông làm vua được 24 năm, đặt niên hiệu hai lần: Vĩnh Thịnh (1705-1719) và Bảo Thái (1720-1729). Tháng Giêng năm Tân Hợi (1731) Thái thượng hoàng mất, thọ 52 tuổi.

◆ Lê Đế Duy Phương - Hôn Đức Công (1729-1732):

Niên hiệu: Vĩnh Khánh Duy Phương làm vua được 3 năm, bị Trịnh Giang vu cho tư thông với vợ Trịnh Cương, phải bỏ, giáng xuống làm Hôn Đức Công, rồi đến năm Nhâm Tý (1732) thì bị giết.

◆ Lê Thuần Tông (1732-1735):

Niên hiệu: Long Đức.

Sau khi Hoàng thái tử Lê Duy Phương được vua cha nhường ngôi, ban lời chiếu khá dài nói về công lao khai sáng của Lê Thái Tổ, công cuộc Trung Hưng và vai trò của các chúa Trịnh... rộng ban ân điển 5 điều cho thần dân cả nước. Nhưng ngôi vua của Lê Duy Phương không đứng vững, vì sau khi Trịnh Cương mất, Trịnh Giang lên nối nghiệp chúa thì tình hình lại thay đổi.

Nguyên do là, trước đó con trưởng của vua là Lê Duy Tường đã 28 tuổi, được ở ngôi đồng cung đã được 10 năm, lẽ ra phải được truyền ngôi. Nhưng Duy Tường còn có một người em khác mẹ là Duy Phương, 19 tuổi, do chính phi Trịnh Thị (con gái Trịnh Cương) sinh ra. Trịnh Cương muốn bỏ người con cả để lập cháu ngoại của mình lên ngôi, mới quanh co làm ra lời ban phong quan, ban tước rồi ép vua Dụ Tông phải nhường ngôi cho Duy Phương. Duy Phương lên ngôi, ngay lập tức tôn mẹ là Trịnh Thị lên làm Hoàng thái hậu và lại tiếp tục lấy một chính phi họ Trịnh làm Hoàng hậu. Nhưng khi Trịnh Giang lên cầm quyền, muốn tỏ rõ uy quyền, Giang bỏ hết các phép tắc của vua. Các chính sách thuế khoá và tài chính mà Trịnh Cương cho thi hành từ các năm 1720-1730 đều bị huỷ bỏ. Về việc định ngôi vua cũng vậy, tháng 8 năm Nhâm Tý (1732) Trịnh Giang truất Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trang xuống làm quận quân, vu cho nhà vua có tư tình với các cung phi của người khác, Trịnh Giang bắt ép vua ra ở cung riêng. Những thứ cung đốn cho vua dùng đều bị bớt xén đi, rồi truất vua xuống làm Hôn Đức Công, dời đến một ngôi nhà bên ngoài thành, buộc phải thắt cổ chết vào tháng 9 năm Ất Mão (1735).

Giết vua rồi, Giang cho dẫn 12 người con của Dụ Tông vào phủ đường để xem mặt. Duy Tường là con trưởng đáng được lập làm vua. Giang liền sai viên quan hộ vệ Duy Tường đến cung Tử Thọ, làm lễ cáo Thái Miếu và lập lên làm vua, tức là vua Thuần Tông.

Duy Tường lên ngôi đổi niên hiệu là Long Đức, đại xá trong nước, tha bỏ thuế chiếu, tha những tiền nộp để chuộc tội còn thiếu chồng chất; viên quan nào bị làm lỡ bị truất bãi đã lâu, đều cho xem xét dừng lại. Nhưng Duy Tường làm vua không được lâu, chỉ bốn năm sau, vua mất, thọ 37 tuổi, quần thần dâng tôn hiệu là Thuần Tông Giản hoàng đế.

◆ Lê Ý Tông (1735-1740):

Niên hiệu: Vĩnh Hựu.

Sau khi Thuần Tông Giản hoàng đế mất, Trịnh Giang cho lập Duy Thận, con thứ 11 của Dụ Tông, em của Thuần Tông lên ngôi. Mặc dù Thuần cũng có con đã 19 tuổi, nhưng Trịnh Giang cho rằng Duy Diên (con Thuần Tông) tuổi đã trưởng thành và nhận thấy Duy Thận là cháu ngoại bà Thái phi họ Vũ (mẹ của Trịnh Cương, bà của Trịnh Giang), trước kia vẫn nuôi nấng Thận ở trong phủ, thân cận yêu thương và có phần dễ kiểm chế hơn. Thế là Giang quyết định cho Duy Thận khi đó 17 tuổi lên nối ngôi. Bầy tôi trong triều không ai dám nói gì cả. Duy Thận lên ngôi lấy niên hiệu là Vĩnh Hựu.

Dưới thời cầm quyền của Trịnh Giang, tình hình trong nước lại mất ổn định. Giang là kẻ vô cùng

bạo ngược, không việc gì là không làm: sát hại công thần, tự cho thi tiến sĩ ở phủ đường... giết vua nọ lập vua kia... Vì thế tháng 12 năm Mậu Ngọ (1738) một người tôn thất nhà Lê là Lê Duy Mật và Duy Quý (con Lê Dụ Tông), Duy Chúc (con Hy Tông) cùng một số quần thần bàn mưu đốt kinh thành nhưng việc không thành, họ phải vượt biển chạy vào Thanh Hoá. Giang cho quân đuổi theo nhưng không kịp. Sau vụ đó, Duy Mật bèn chiếm cứ miền thượng du vùng Tây Nam chống nhau với nhà Trịnh ròng rã 30 năm trời.

Từ ngày làm việc bạo nghịch giết vua, Trịnh Giang lấn quyền vua ngày càng quá quắt. Thêm vào đó lại chơi bời dâm dục không còn mức độ nào cả. Vì thế Giang bị mắc chứng bệnh kinh quý, sợ sấm sét. Bọn hoạn quan là Hoàng Công Phụ đánh lừa Giang: chúng đào đất làm cung thờ ông tri dưới hầm cho Giang ở. Từ đó Giang không bước chân ra ngoài, Công Phụ cùng đồng đảng của hắn càng có dịp chuyên quyền, lũng đoạn triều chính. Các quan đại thần kế tiếp nhau người bị giết, người bị phạt. Chính sự trái ngược, thuế khoá nặng nề, lòng dân mong chóng nổi lên loạn lạc. Lúc ấy hàng loạt cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra ở khắp nơi: Vùng Hải Dương có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Vũ Trác Oánh, ở vùng Sơn Nam có Hoàng Công Chất... họ đều lấy danh nghĩa "phò Lê". Dân ở vùng Đông Nam, người đeo bừa, người vác gậy đi theo, chỗ nhiều đến hơn vạn, chỗ nhỏ cũng hàng ngàn hàng trăm. Quân khởi nghĩa vây các cấp, các thành, triều đình không thể ngăn cấm được.

Trước tình hình đó. Trịnh thái phi là Vũ Thị (vợ Trịnh Cương, mẹ Trịnh Doanh) cho triệu Nguyễn Quý Cảnh và một số quần thần khuyên Trịnh Doanh đứng ra thay Trịnh Giang để trừ hoạn nạn trong cung phủ. Năm Canh Thân (1740) Trịnh Doanh lên thay Trịnh Giang, tháng 5 năm ấy Doanh ép vua truyền ngôi cho Duy Diên, con trưởng của Thuần Tông. Tôn nhà vua lên làm Thái thượng hoàng. Như vậy Ý Tông ở ngôi được 5 năm, khi nhường ngôi mới 21 tuổi. Nhường ngôi rồi Ý Tông đến ở điện Càn Thọ, được 19 năm chết, thọ 40 tuổi.

♦ Lê Hiền Tông (1740-1786):

Niên hiệu: Cảnh Hưng.

Hiền Tông tên thật là Duy Diên, là Thái tử của vua Thuần Tông. Nhưng vì có chú là Duy Thận và Duy Mật khởi nghĩa chống họ Trịnh chuyên quyền, vì thế Duy Diên bị Trịnh Giang truất ngôi Thái tử và bị giam cầm từ lâu. Sau khi Trịnh Doanh lên thay ngôi chúa Trịnh của Trịnh Giang mới sai người thả Duy Diên và lập lên làm vua, ép vua Ý Tông phải nhường ngôi cho cháu dòng đích. Trong tờ chiếu nhường ngôi của vua Ý Tông có đoạn viết: "Nghĩ phương xa có nhiều kẻ mạnh, lòng can rỡ, muốn cho trong ngoài bờ cõi được yên vui, thì chính là theo lễ nên tôn dòng con trưởng, để trọng tôn thống, mà thu phục lòng người". Sau khi Ý Tông lên làm Thượng hoàng ra ở điện Càn Thọ, số xã dân cung phụng được lấy bằng 1/3 trong số chính phần của các vua Lê thời kỳ này.

Vua lên ngôi báu lúc mà trong nước gặp nhiều việc: bốn phương quân khởi nghĩa nổi lên liên tục không lúc nào yên. Nhưng nhờ có tài giúp đỡ của Minh Vương Trịnh Doanh nên 10 năm sau đất nước đã trở lại yên bình, dân yên cư lạc nghiệp, người bấy giờ cũng ca ngợi là thời thái bình. Phải nói rằng Lê Hiền Tông là ông vua trị vì lâu nhất lịch sử phong kiến nước ta. Số năm trị vì của ông lên tới gần nửa thế kỷ- 47 năm. Bí quyết của ông vua này là sống nhàn hạ và không quan tâm gì đến chính sự, mọi việc đều do nhà chúa quyết định từ Trịnh Doanh sau đến Trịnh Sâm. Dưới thời Doanh, vì Doanh tin vào phúc đức của nhà vua nên cố gắng tin lập và dựa vào.

Tháng Giêng năm Giáp Thân (1764) vua cho lập Duy Vĩ làm thái tử. Năm Đinh Hợi (1767) Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm làm Nguyên soái tể tướng. Tháng 3 năm Kỷ Sửu (1769) Sâm truất ngôi Thái tử của Duy Vĩ rồi bắt giam vào ngục. Tháng 8 năm Kỷ Sửu (1769) Trịnh Sâm cho lập Duy Cận là con thứ của vua làm Thái tử.

Tháng 12 năm Tân Mão (1771) Sâm sai giết Thái tử Duy Vĩ, tháng Giêng năm Quý Mão (1783) lập Duy Khiêm làm Hoàng thái tử, truất Duy Cận làm Sùng Nhưượng công. Việc này do binh lính tâm phủ làm.

♦ Lê Mẫn Đế (1787-1789):

Niên hiệu: Chiêu Thống.

Tên là Duy Khiêm (còn có tên Duy Kỳ), cháu đích của vua Hiến Tông, con của Thái tử đã mất Duy Vĩ. Duy Khiêm được quân tam phủ đưa từ nơi giam cầm về và Trịnh Khải, lập làm Thái tôn, truất ngôi Thái tử của Duy Cận. Trước khi vua Hiến Tông mất đã cho gọi thái tử Duy Khiêm vào triều lờn truyền ngôi. Thái tử vừa lạ vừa khóc xin nhận mệnh. Lúc đó Nguyễn Huệ đã cưới công chúa Ngọc Hân. Ông có hỏi Ngọc Hân về việc các hoàng tử, công chúa rất khen Duy Cận là người tốt. Nguyễn Huệ muốn bàn luận lại việc lập người nối ngôi, triều đình lo sợ, không biết làm thế nào được, các người trong họ tông thất đều trách móc công chúa làm hại mưu kế lớn của xã tắc. Công chúa sợ, trở về xin với Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ nhận lời, bèn phò Thái tôn lên ngôi Hoàng đế, đổi tên là Duy Kỳ. Lấy niên hiệu là Chiêu Thống. Khi Nguyễn Nhạc ra Thăng Long, Lê Chiêu Thống đem trăm quan thân hành đón tiếp ở ngoài cửa Nam Giao. Sau khi cùng Nguyễn Nhạc đàm đạo việc nước vua Lê xin cắt đất cho Nguyễn Nhạc để khao quân. Nguyễn Nhạc từ chối. Rồi Nguyễn Nhạc cùng vua Lê ước hẹn đời đời làm láng giềng hoà hiếu.

Nhưng khi Nguyễn Nhạc cùng Nguyễn Huệ rút quân về Phú Xuân thì hào mục ở các nơi lại nổi dậy cát cứ, họ Trịnh cùng Trịnh Bồng trở lại Thăng Long tự lập làm nguyên soái và lấn át nhà vua như trước, khiến cho triều đình rối ren, chém giết lẫn nhau. Nguyễn Huệ lại phải kéo quân ra Bắc dẹp nội loạn, chiêu tập các cựu thần văn võ nhà Lê, lấy Sùng nhượng công Lê Duy Cận đứng Giám quốc và để Ngô Văn Sở quản lĩnh binh chúng rồi kéo quân về Nam.

Để khôi phục lại Lê Chiêu Thống, tháng 7 năm Mậu Thân (1788) Hoàng thái hậu nhà Lê sang nhà Thanh xin quân cứu viện. Sau khi lấy lại được Thăng Long, dựa vào thế quân thanh vua Lê đã trả thù tàn bạo những người đã theo Tây Sơn, vì thế dân tình trong kinh ngoài trấn đều chán nản, rời rạc và lo sợ.

Mùng 1 Tết năm Kỷ Dậu (1789), quân đội Tây Sơn do Hoàng đế Quang Trung trực tiếp chỉ huy kéo ra Bắc đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh. Các tướng nhà Thanh sống sót chạy về nước kéo theo vua bán nước Lê Chiêu Thống cùng bầy tôi 25 người.

Nhà Lê mất. Sau 5 năm sống lưu vong nhục nhã và phần uất trên đất Thanh, tháng 10 năm Quý Sửu (1793), Lê Chiêu Thống chết ở Yên Kinh (Trung Quốc), thọ 28 tuổi. Tháng 8 năm Giáp Tý (1804) triều Nguyễn đã cho đưa thi hài Lê Chiêu Thống về nước, chôn tại lăng Bàn Thạch. Trên bài vị thờ tại lăng đề là Nghị hoàng đế.

Tháng 2 năm Giáp Thân (1884) niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất nhà Nguyễn truy đặt tên thụy cho Lê Chiêu Thống là Mẫn đế. Đây là ông vua cuối cùng của triều Lê

Như vậy nhà Lê Trung Hưng từ Trang Tông đến Chiêu Thống trải 18 đời và 265 năm trị vì.

Nhà Hậu Lê tồn tại song song với nhà Mạc từ 1533 đến 1592 và với Trịnh-Nguyễn từ 1592 đến 1789. Đây là giai đoạn của nạn nội chiến Nam-Bắc triều và Trịnh-Nguyễn phân tranh gây nên bao cảnh đau thương thảm khốc trong nhân gian.